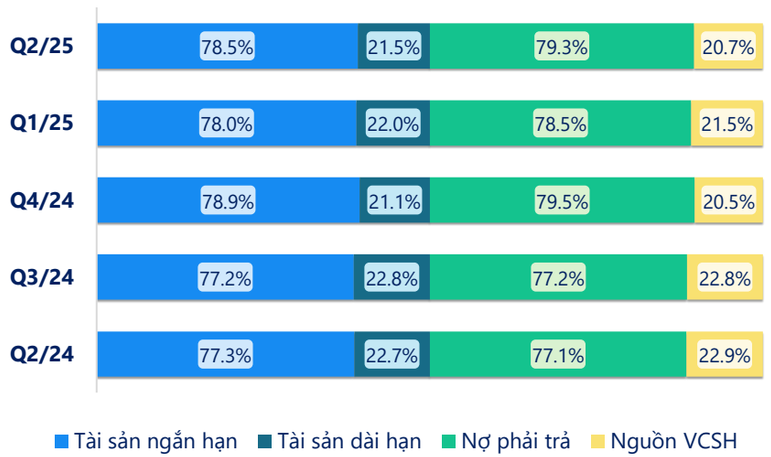
FireAnt

CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings (HSX: PHC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	5,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,169
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
SL cổ phiếu LH	50,681,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)	153,835
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	256
P/E	35.7
EPS	141

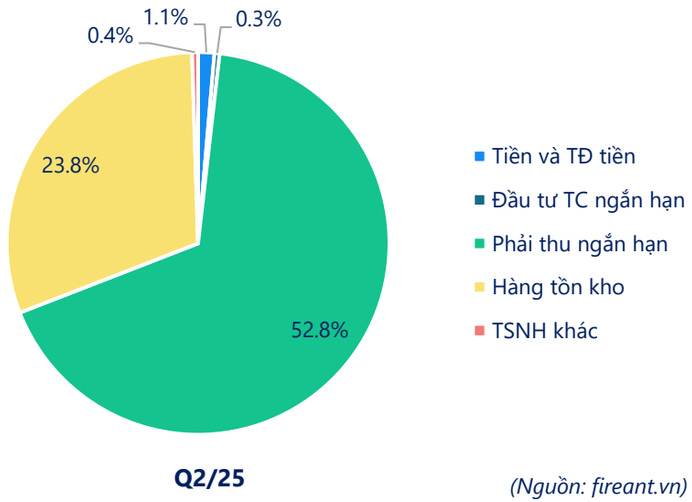
	YTD	1T	3T	6T
PHC	-9.3%	-3.1%	-7.2%	-14.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



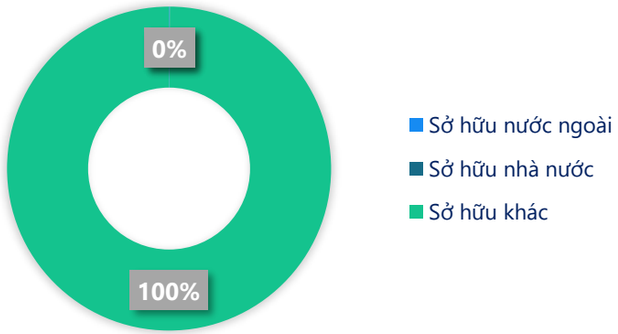
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



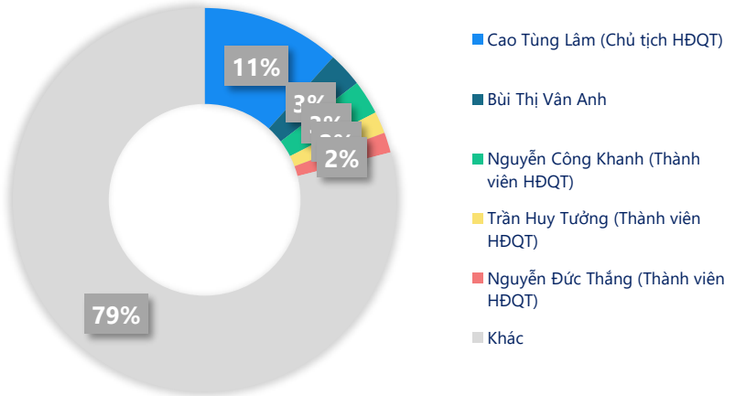
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



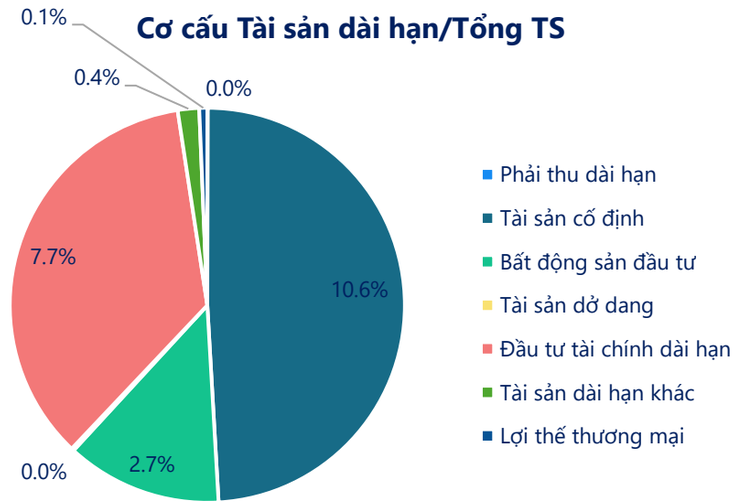
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

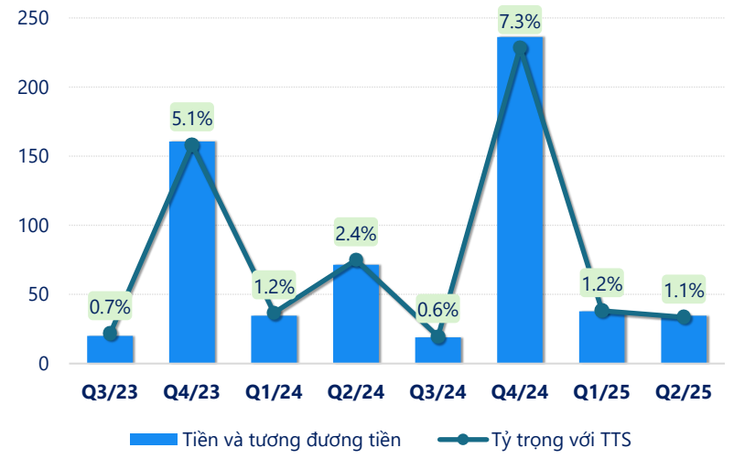


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

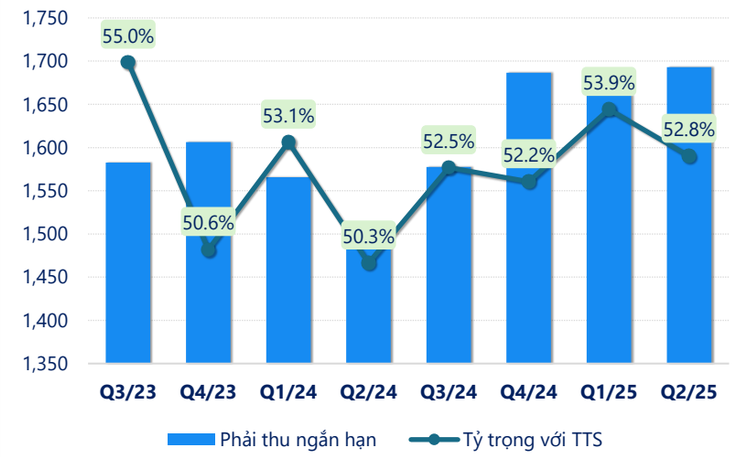
CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings (HSX: PHC)

Tiền và tương đương tiền



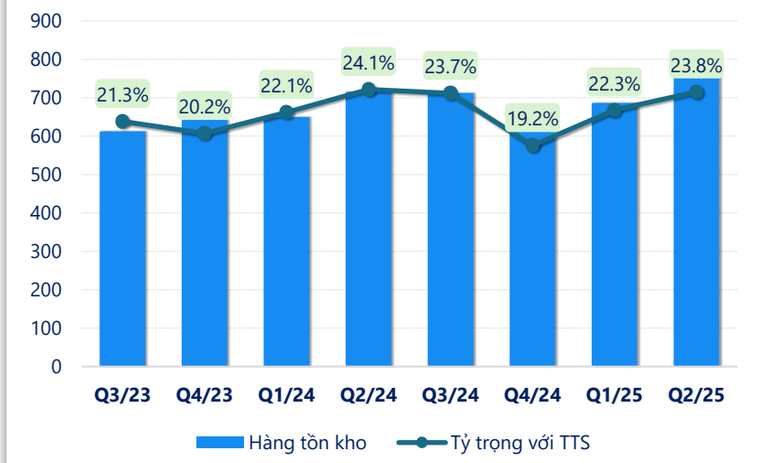
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



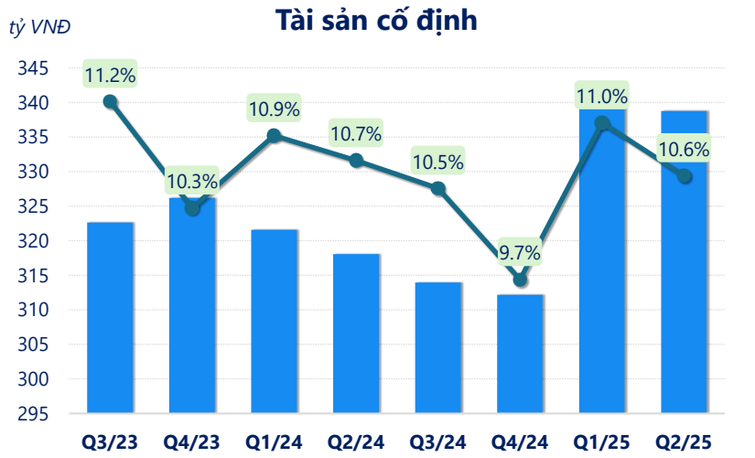
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



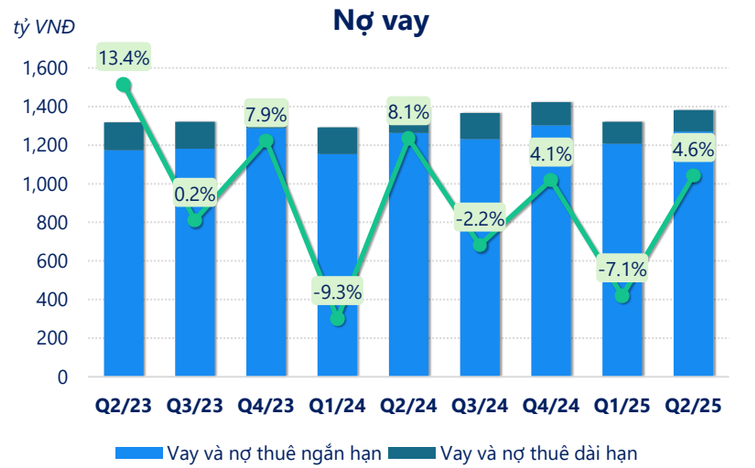
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



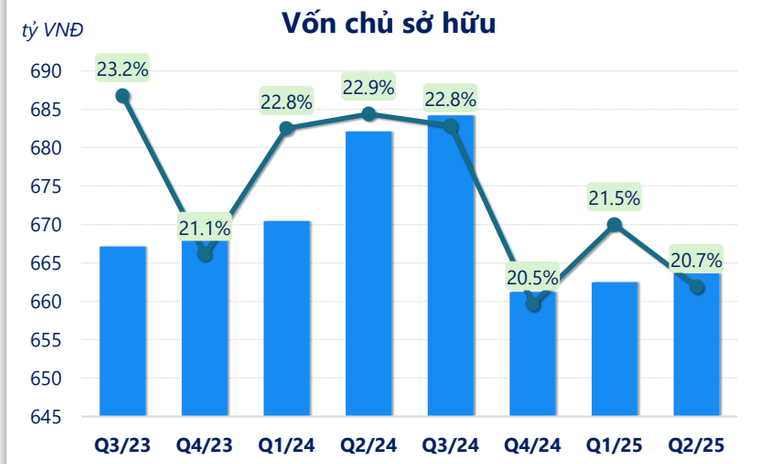
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

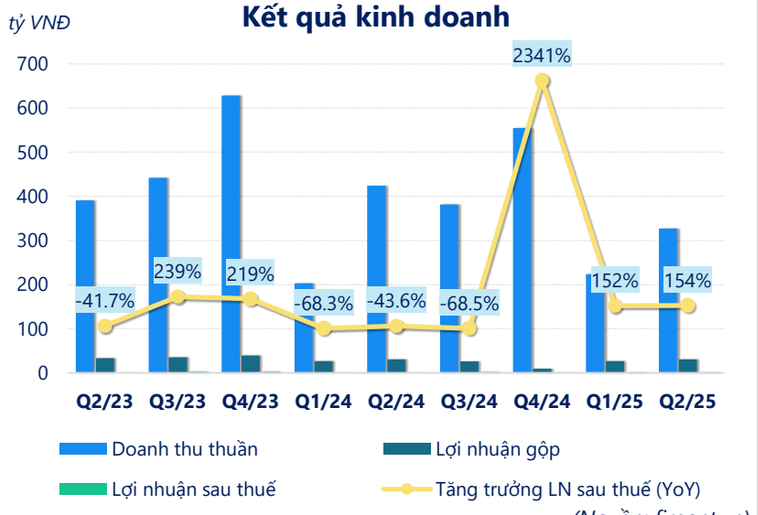


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

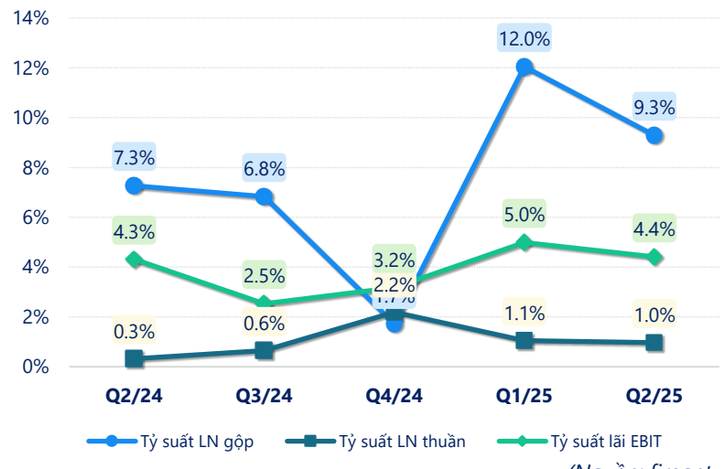
CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings (HSX: PHC)

Kết quả kinh doanh



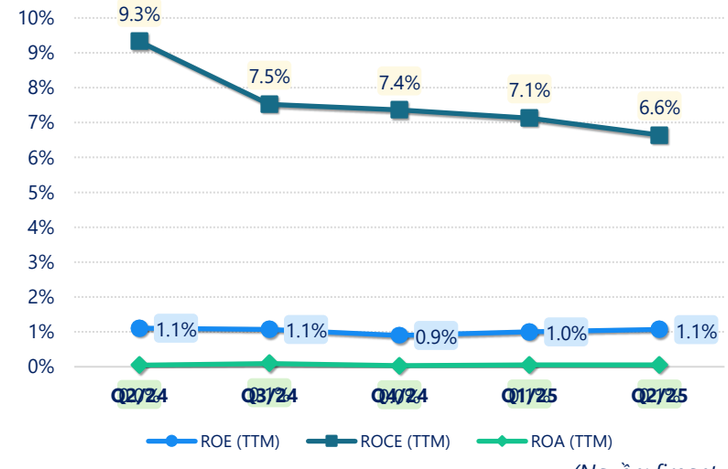
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



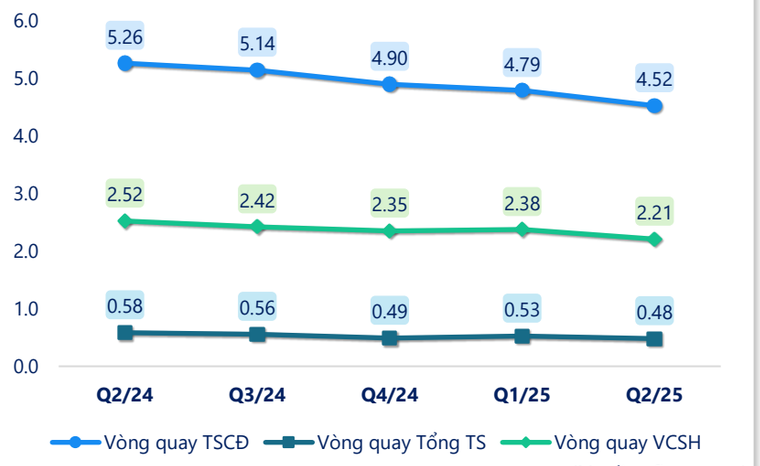
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



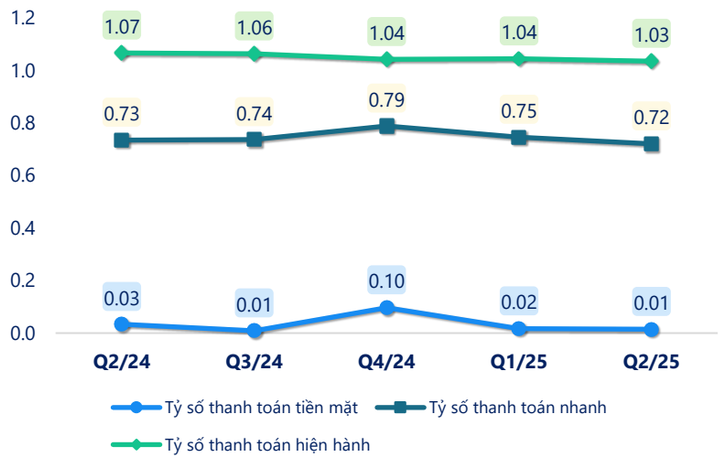
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



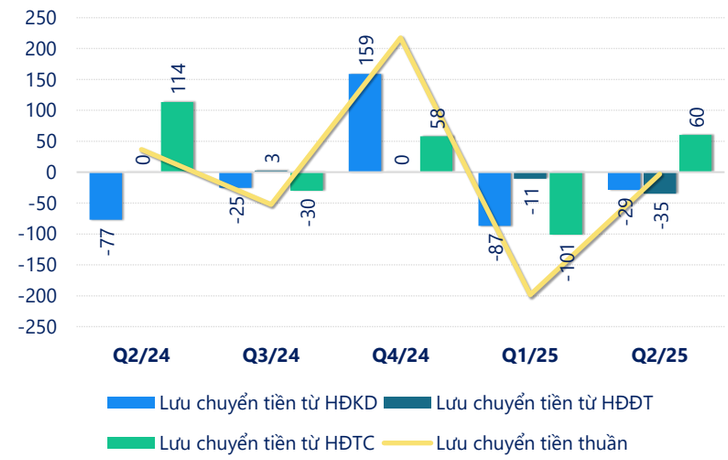
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings (HSX: PHC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,206**	**3,240**	**-1.0%**
Tài sản ngắn hạn	2,516	2,560	-1.7%
Tiền và tương đương tiền	34.5	236	-85.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.9	2.00	444%
Phải thu ngắn hạn	1,693	1,689	0.2%
Hàng tồn kho	765	628	21.8%
Tài sản ngắn hạn khác	12.8	4.92	160%
Tài sản dài hạn	**691**	**681**	**1.5%**
Phải thu dài hạn	0.29	0.85	-65.7%
Tài sản cố định	339	344	-1.6%
Bất động sản đầu tư	88.1	67.0	31.5%
Tài sản dở dang	1.46	1.46	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	245	245	0.3%
Tài sản dài hạn khác	**12.1**	**17.3**	**-30.0%**
Lợi thế thương mại	4.52	4.76	-5.0%
Nợ phải trả	2,543	2,579	-1.4%
Nợ ngắn hạn	**2,432**	**2,459**	**-1.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,271	1,303	-2.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	652	761	-14.3%
Nợ dài hạn	111	120	-7.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	110	120	-7.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**664**	**661**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**664**	**661**	**0.4%**
Vốn điều lệ	507	507	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	424	381	554	223	327
Giá vốn hàng bán	393	355	545	196	297
Lợi nhuận gộp	30.8	26.0	9.60	26.9	30.4
Doanh thu HĐTC	3.52	0.60	29.1	0.56	0.67
Chi phí TC	17.4	8.31	8.19	9.51	12.5
Chi phí lãi vay	17.1	7.21	7.17	9.20	12.2
LN trong công ty LKLD	0.30	0.04	1.17	0.53	0.10
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	15.9	15.9	19.6	16.1	15.5
LN thuần từ HĐKD	1.36	2.47	12.2	2.36	3.18
Lợi nhuận khác	-0.17	-0.04	-1.69	-0.42	-1.01
LN trước thuế	1.19	2.44	10.5	1.94	2.17
Lợi nhuận sau thuế	0.77	2.10	1.04	1.26	1.12
LNST của CĐ cty mẹ	1.21	2.70	1.06	1.70	1.72

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-77.1	-25.2	159	-86.8	-28.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.32	2.62	0.37	-10.7	-34.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	114	-30.0	58.0	-101	60.2
Tiền đầu kỳ	34.7	71.5	18.9	236	37.8
Lưu chuyển tiền thuần	**36.8**	**-52.6**	**217**	**-199**	**-3.24**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	71.5	18.9	236	37.8	34.5

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic